HNUE JOURNAL OF SCIENCE DOI: 10.18173/2354-1067.2021-0054
Social Sciences, 2021, Volume 66, Issue 3, pp. 118-126
This paper is available online at http://stdb.hnue.edu.vn

VẬN ĐỘNG VÀ TĂNG CƯỜNG MẶT TRẬN NHÂN DÂN THẾ GIỚI ỦNG HỘ VIỆT NAM TẠI MỸ, CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA THÔNG QUA ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN GIAI ĐOẠN 1965-1973

Hoàng Hải Hà* và Vũ Thị Dung
Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Bài viết làm rõ các hoạt động đối ngoại nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (DCCH) trong giai đoạn 1965-1973 nhằm xây dựng và tăng cường mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ cho cách mạng Việt Nam tại Mỹ và các nước Tư bản chủ nghĩa (TBCN). Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thêm phần gay go và ác liệt khi chính phủ Mỹ triển khai thêm nhiều hoạt động chính trị, ngoại giao hỗ trợ cho việc trực tiếp đưa quân vào tham chiến ở miền Nam cũng như đàm phán tại Hội nghị Paris. Đây cũng là giai đoạn mâu thuẫn Xô - Trung trở nên gay gắt gây nhiều khó khăn cho cách mạng Việt Nam cả về tinh thần và vật lực. Vì vậy, Đảng Lao Động Việt Nam và Chính phủ VNDCCH rất chú trọng tới sử dụng kênh ngoại giao nhân dân nhằm làm rõ lập trường về cuộc chiến của quân đội Mỹ tại miền Nam Việt Nam, tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến, từ đó tăng cường sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình ở Mỹ và các Tư bản đồng minh, gây sức ép buộc chính quyền Mỹ phải kí kết Hiệp định Paris và rút quân.

Từ khóa: ngoại giao, đối ngoại nhân dân, kháng chiến chống Mỹ, Hiệp định Paris, hội hữu nghị.

1. Mở đầu

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức rõ tầm quan trọng cũng như tính cấp thiết của việc mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm đưa đất nước hòa vào trào lưu phát triển chung của nhân loại vì "cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới". Trong đó, đối ngoại nhân dân sớm được quan tâm chú trọng, bởi theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đây là một giải pháp để phát triển đa dạng mối quan hệ giữa các dân tộc, một cách thức khai thác nguồn lực trong nhiều hoàn cảnh, là tiền đề và cầu nối quan trọng phát triển nhiều quan hệ phi chính phủ, từ đó dẫn đến quan hệ chính thức giữa các quốc gia. Bước sang giai đoạn 1954-1975, công tác đối ngoại nhân dân đã được Đảng và Chính phủ Việt Nam DCCH hoàn thiện hơn về mặt chủ trương, chính sách và tổ chức hoạt động do liên tục phải đối phó với những "chiêu bài" ngoại giao của chính quyền Mỹ, đặc biệt từ khi người Mỹ trực tiếp đưa quân vào tham chiến ở Việt Nam cho đến trước khi Hiệp định Paris được kí kết. Tại Hội nghị ngành ngoại giao ngày 14-1-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu, hoạt động đối ngoại không chỉ là việc riêng của "các đại sứ quán, tổng lãnh sự quán là những cơ quan chuyên môn phụ trách, mà còn là các tổ chức khác như như ngoại thương, văn hóa, thanh niên, phụ nữ, công đoàn cũng đều làm ngoại giao cả" [1; tr.168]. Đối ngoại nhân dân trong thời kỳ này đóng vai trò quan trọng trong việc vận động quốc tế nhằm xây dựng quan hệ thân thiện với tất cả các nước, thể hiện tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ một cách tối

Ngày nhận bài: 22/6/2020. Ngày sửa bài: 2/7/2020. Ngày nhận đăng: 12/7/2021.
Tác giả liên hệ: Hoàng Hải Hà. Địa chỉ e-mail: hoanghaiha84@gmail.com.

đa của nhân dân các nước dành cho cuộc đấu tranh vì độc lập, thống nhất của dân tộc. Hoạt động tích cực của Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, Ủy ban đoàn kết với nhân dân Á - Phi , các Hội hữu nghị song phương và tổ chức đoàn thể khác như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên đã truyền tải thông điệp: Việt Nam muốn "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai" [2, tr. 19], và kêu gọi nhân dân thế giới đoàn kết với nhân dân Việt Nam để tạo nên sức mạnh tổng hợp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân loại. Chính phủ Việt Nam DCCH đã xây dựng thành công các mối liên hệ chặt chẽ với phong trào vì hoà bình tại chính nước Mỹ và nhiều nước tư bản khác trên thế giới cũng như tố cáo các khía cạnh tồi tệ của cuộc chiến mà chính quyền Mỹ đang theo đuổi tại Việt Nam, vận động thành công sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình đối với Cách mạng Việt Nam, song đây vẫn là vấn đề chưa nhận được sự quan tâm "thích đáng" của các học giả trong và ngoài nước [2], [3]. Dựa trên khai thác các tư liệu lưu trữ báo chí tiếng Việt, văn kiện chỉ đạo của Đảng Lao động Việt Nam cũng như nhiều tài liệu tham khảo trong nước và quốc tế, bài viết làm rõ các hoạt động xây dựng, vận động sự ủng hộ của nhân dân Mỹ và nhiều nước Đồng minh phương Tây truyền thống của Mỹ. Hướng "tấn công" này của kênh đối ngoại nhân dân mang tính "mạo hiểm" cao song có vai trò "trực tiếp" định hình chính sách của chính quyền Johnson và Nixon trên chiến trường Việt Nam.

Trong bài viết này, chúng tôi dùng khái niệm đối ngoại nhân dân thay vì ngoại giao nhân dân để muốn nhấn mạnh chủ thể thực hiện không phải là Nhà nước, tuy nhiên, chúng tôi vẫn dùng luân phiên hai cụm từ này với nghĩa tương đương nhau để tránh sự trùng lặp khi diễn đạt.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhân dân Mỹ và các nước Tư bản chủ nghĩa: sự lựa chọn quan trọng của đối ngoại nhân dân

Ngay sau khi nhậm chức Tổng thống Mỹ, L. Johnson đã khẳng định "không muốn trở thành Tổng thống đầu tiên để mất Việt Nam", "việc mất Việt Nam ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Mỹ và là điều không thể chấp nhận được đối với công chúng Mỹ" [4, tr. 97]. Điều đó chứng tỏ quyết tâm kiên quyết giữ cho được miền Nam Việt Nam của Mỹ dù quân đội Mỹ và Việt Nam Cộng hoà đang vấp phải những khó khăn lớn trên chiến trường miền Nam. Thực hiện quyết tâm giữ bằng được miền Nam Việt Nam, chính phủ Mỹ đã tiến hành nhiều hoạt động trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao nhằm vừa tạo sức ép trên chiến trường vừa tìm kiếm sự ủng hộ của dư luận dành cho nước Mỹ trong cuộc chiến tranh. "Lập trường của chính phủ Johnson vẫn là xâm lược và mở rộng chiến tranh" [5, tr. 32] vì vậy cùng với việc tăng cường hoạt động quân sự ở hai miền Nam và Bắc Việt Nam, giới cầm quyền Mỹ dùng nhiều thủ đoạn ngoại giao và coi "ngoại giao hòa bình" là một bộ phận chiến lược của cuộc chiến tranh. Sau khi nhậm chức, Tổng thống L. Johnson muốn cho nhân dân Mỹ cũng như thế giới thấy rằng "L. Johnson là một con người của hòa bình" [4, tr. 11]. Vì vậy, để giữ hình ảnh con người của hòa bình mà mình xây dựng cũng như tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Mỹ và dư luận thế giới, Johnson đã đẩy mạnh hoạt động "ngoại giao hòa bình", hô hào, kêu gọi thương lượng với Việt Nam DCCH, thông báo rằng Mỹ sẽ rút quân nếu miền Bắc chấm dứt xâm lược miền Nam và sẽ đóng góp viện trợ vào sự phát triển của Đông Nam Á. Cuộc vận động "ngoại giao hòa bình" của chính phủ Mỹ là việc triển khai liên tục và dày đặc những hoạt động tiếp xúc, gặp mặt, gửi điện, gửi nhiều nhà ngoại giao tới các nước lớn và những kênh ngoại giao gián tiếp khác nhằm mục đích tuyên truyền với dư luận quốc tế rằng người Mỹ đang thực hiện "tìm kiếm hòa bình" ở Việt Nam và hòa bình chỉ đạt được khi Bắc Việt Nam phải rút quân. Qua đó, chính quyền Johnson "một mặt thăm dò thái độ của Việt Nam, mặt khác cố biện minh trước dư luận thế giới về "thiện chí hòa bình" của Hoa Kỳ" [6, tr. 186]. Những luồng thông tin này sẽ khiến các nước trên thế giới hiểu sai về cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam gây khó khăn cho công tác xây dựng

mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam. Vốn nổi tiếng trong chính giới Mỹ là một người chống Cộng cuồng nhiệt nên Nixon cũng dần thể hiện bản thân không muốn trở thành Tổng thống Mỹ đầu tiên thất bại ở Nam Việt Nam. Tuy nhiên, trong lúc này, bài toán mới đặt ra cho chính phủ Nixon là làm thế nào rút quân khỏi Việt Nam nhưng không bị mang tiếng là bại trận, nghĩa là cuộc chiến tranh này phải được kết thúc "trong danh dự". Học thuyết Nixon được tuyên bố vào tháng 7-1969, trong đó khuyến khích và hy vọng rằng bản thân các quốc gia châu Á sẽ ngày càng có trách nhiệm và tự mình giải quyết vấn đề. Nixon và Kissinger cũng thực hiện "ngoại giao con thoi" tiến hành hoà giải với Liên Xô và Trung Quốc, từ đó hi vọng có thể gây sức ép lên chính phủ Việt Nam DCCH trên mặt trận quân sự và đàm phán tại Paris.

Trong bối cảnh nước Mỹ tung ra nhiều "đòn ngoại giao" chiến lược mới nhằm lôi kéo sự ủng hộ của các nước đồng minh, các nước thuộc phe TBCN ủng hộ cuộc chiến "bảo vệ thế giới tự do" ở miền Nam Việt Nam, ủng hộ Việt Nam Cộng hòa chống lại sự tấn công của chủ nghĩa cộng sản, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng 13 (tháng 1-1967) chính thức xác định ngoại giao trở thành một mặt trận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Trên mặt trận này, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú ý đến nhân dân Mỹ và các nước tư bản phương Tây, chủ trương vận động sự ủng hộ của họ dành cuộc kháng chiến. Thực tế, sẽ rất khó cho VNDCCH hướng các hoạt động ngoại giao nhà nước với chính phủ các nước Tư bản phương Tây vốn đã chưa thiết lập quan hệ "ngoại giao chính thức". Vì vậy, việc xem nhân dân các nước này như "đồng minh" trong cuộc kháng chiến và triển khai kênh "ngoại giao phi chính thức" được chú trọng hơn vì họ có thể gây sức ép thúc đẩy chính phủ Mỹ cũng như các nước Tư bản đồng minh chấm dứt ném bom, rút quân và đàm phán hoà bình.

Ngay từ tháng 12/1965, Nghị quyết Trung ương lần thứ 12 đã nêu rõ: "cần tranh thủ đến cao độ sự đồng tình và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh và của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ" [7, tr. 614-615]. Chỉ thị ngày 6-6-1966 của Ban Bí thư cũng đề cập: "Bên cạnh những đối tượng truyền thống như các nước xã hội chủ nghĩa, các nước Á, Phi và Mỹ Latinh, cần chú trọng tuyên truyền nhân dân lao động ở các nước TBCN liên quan trực tiếp với cuộc đấu tranh của Việt Nam như công nhân, nhất là công nhân khuân vác, vận chuyển ở các bến tàu và thủy thủ, thanh niên, phụ nữ, trí thức và công giáo. Đặc biệt chú trọng nhân dân Mỹ và nhân dân các nước chư hầu của Mỹ, có căn cứ quân sự của Mỹ dùng để xâm lược Việt Nam" [8, tr. 199-200]. Do đó, đề cương báo cáo tại Hội nghị Trung ương (23-1-1967) đã chỉ ra cần "có kế hoạch vận động ngoại giao và hoạt động quốc tế của các đoàn thể nhân dân, nhằm tranh thủ hơn nữa sự ủng hộ của các nướcXHCN, các nước trung gian và nhân dân thế giới. Nghiên cứu chính sách cụ thể đối với Campuchia và Pháp" [9, tr. 138]. Báo cáo của Bộ trưởng Bộ ngoại giao tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa IV (3-1972) cũng nêu rõ phải không ngừng tăng cường đoàn kết với nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lí trên thế giới trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ, đồng thời vạch mặt nâng cao thiện chí của Việt Nam trong thương lượng tại Hội nghị Paris nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề Việt Nam.

2.2. Hoạt động đối ngoại nhân dân hướng tới nước Mỹ

Từ cuối năm 1966, nhóm công tác chuyên trách về vận động nhân dân Mỹ được thành lập và đến năm 1967, Tiểu ban Mỹ vận gồm 40 cán bộ, có kinh phí, bộ máy hoạt động riêng và đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Ủy viên Bộ Chính trị [10, tr. 174]. Tiểu ban có nhiệm vụ nghiên cứu và tham mưu các chủ trương tuyên truyền, giải thích cho nhân dân và công luận Mỹ về lập trường chính nghĩa của nhân dân ta và sự phi nghĩa của chiến tranh xâm lược của chính quyền Mỹ. Bên cạnh đó, ngày 10-7-1968, Chính phủ Việt Nam DCCH đã thành lập Ủy ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân tiến bộ Mỹ, gọi tắt là Ủy ban Việt - Mỹ, do Hoàng Minh Giám (Bộ trưởng Bộ Văn hóa) làm Chủ tịch. Từ thời điểm đó cho đến năm 1975, Ủy ban đã làm đầu mối quan hệ với tất cả các tổ chức và cá nhân của phong trào phản chiến ở Mỹ [11, tr. 50].

Phối hợp hoạt động với các tổ chức chính trị - xã hội khác của Việt Nam, Ủy ban Việt – Mỹ đã tích cực tham gia các hoạt động đấu tranh đòi chấm dứt cuộc chiến tranh của Mỹ Việt Nam. Trọng tâm của các hoạt động là tuyên truyền rộng rãi và giới thiệu về Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ liên tục và kiên quyết của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới, đáp ứng những yêu cầu chính trị của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ủy ban cũng tạo điều kiện cho nhiều cá nhân tham gia vào hoạt động đối ngoại nhân dân, tiêu biểu là các nhà nghiên cứu lớn như Hữu Ngọc và Nguyễn Khắc Viện. Hai ông đã chủ trì cuốn *Tuyển tập về văn hóa Việt Nam* dày 1000 trang bằng tiếng Anh. Hai cuốn sách này đã đến với bạn đọc thế giới qua con đường ngoại giao và các sứ quán của Việt Nam. Ngoài ra, ông Nguyễn Khắc Viện còn chủ trì việc xuất bản *Tạp chí Vietnam Studies* bằng tiếng Pháp và tiếng Anh (*Études Vietnamiennes, Vietnam Studies*) ba tháng một kì giới thiệu sâu về văn hóa Việt Nam từ văn học đến ngôn ngữ và các phong tục cổ truyền [10, tr. 175]. Các bộ sách và tạp chí này góp phần rất lớn vào việc giới thiệu văn hóa Việt Nam ra thế giới, thu hút được sự chú ý của giới báo chí và học giả Mỹ cũng như tăng thêm hiểu biết của độc giả nước ngoài về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam.

Ủy ban Việt - Mỹ cũng phối hợp tổ chức đón tiếp hàng trăm cá nhân, đại diện các tổ chức xã hội và phong trào hòa bình, chống chiến tranh của Mỹ đến thăm miền Bắc Việt Nam với mục đích chứng kiến tận mắt cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân của Mỹ và những tội ác dã man mà không quân Mỹ gây ra cho dân thường ở miền Bắc Việt Nam. Trong các cuộc tiếp đón này, Ủy ban đều có sự chuẩn bị chu đáo từ việc xây dựng lịch làm việc, tới bố trí hướng dẫn viên và phiên dịch viên để việc trao đổi giữa hai đoàn Việt - Mỹ được diễn ra thuận lợi. Nhà hoạt động Mỹ Tom Hayden, lãnh đạo tổ chức sinh viên vì dân chủ đã thường xuyên thực hiện các chuyến thăm miền Bắc Việt Nam trong thời gian này để đã trực tiếp gặp gỡ những người Cộng sản Việt Nam và tìm hiểu đất nước do những người Cộng sản quản lí. Cuộc gặp gỡ Việt - Mỹ tại Bratislava (Tiệp Khắc cũ) vào tháng 9-1967 giữa hai đoàn đại biểu từ hai miền của Việt Nam (đoàn miền Bắc do ông Nguyễn Minh Vỹ dẫn đầu, đoàn miền Nam do bà Nguyễn Thị Bình dẫn đầu) và đoàn đại biểu của nhân dân Mỹ là một sự kiện quan trọng trong quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Những trao đổi, thảo luận và chia sẻ trong buổi gặp gỡ đã góp phần đem đến cho nhân dân tiến bộ Mỹ niềm tin vào cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Đây cũng là một sự kiện ngoại giao nhân dân mở đầu cho cuộc đàm phán Paris lịch sử sau đó (1968 -1973). Sau cuộc gặp mặt, phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam và xây dựng quan hệ hữu nghị với nhân dân Việt Nam của nhân dân Mỹ ngày càng phát triển lớn mạnh cho đến khi Hiệp định Paris được kí kết. Tháng 3- 1970, các trí thức phản chiến như giáo sư ngôn ngữ học Noam Chomsky, nhà kinh tế Douglas Dowd và mục sư Dick Fernandez đã đến Hà Nội. Vào tháng 7- 1971, một đoàn công nhân người Mỹ da đen do James Forman dẫn đầu theo lời mời của Ủy ban và giáo sư đại học Harvard George Wald, người đã đạt giải Nobel Y học năm 1967, cũng thăm miền Bắc vào tháng 2-1972. Đặc biệt, vào năm 1971, Ủy ban đã tham gia đón tiếp phái đoàn của Hội Sinh viên quốc gia Mỹ sang đàm phán Hòa ước nhân dân với những đại diện sinh viên Việt Nam. Ủy ban đã sắp xếp lịch trình và giúp họ liên hệ với các tổ chức quần chúng, đoàn thể nhân dân khác ở nhiều tỉnh thành ở miền Bắc. Phái đoàn đã đến thăm nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người, trao đổi với nhiều tổ chức quần chúng, đoàn thể nhân dân, trong đó có Hội Liên hiệp Sinh viên Việt Nam và Ủy ban điều tra tội ác chiến tranh Mỹ, từ đó giúp họ hiểu hơn hiểu hơn về tinh thần đoàn kết của nhân dân hai miền, bác bỏ luận điệu miền Bắc xâm lược miền Nam và hiểu được những hoạt động của quân đội Mỹ ở Việt Nam. Những tư liệu, bức ảnh, cuộn phim, băng ghi âm… mà họ mang về sau chuyến thăm Việt Nam đã cung cấp thông tin xác thực về tình hình Việt Nam cho nhân dân Mỹ, qua đó làm rõ thêm tội ác chiến tranh của Mỹ và cuộc chiến đấu chính nghĩa của Việt Nam trong dư luận Mỹ và thế giới, góp phần chống lại những luận điệu vụ cáo, xuyên tạc về Việt Nam DCCH của chính quyền Johnson và Nixon. Các cuốn sách và bài báo thể hiện tình đoàn kết với nhân dân Việt Nam sau đó cũng bắt đầu xuất hiện tại Mỹ. Vào năm 1966, cuốn sách có tựa đề *Phía bên kia* (Another

Side) của Tom Hayden cùng những người bạn là một trong những ấn phẩm tiêu biểu đầu tiên về Việt Nam và cuộc chiến tranh của người Mỹ ở đây.

Đồng thời, để thể hiện thiện chí và tính chất chính nghĩa cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam, Ủy ban Việt – Mỹ đã phối hợp với nhiều cơ quan khác tiến hành trao trả tù bình Mỹ, trong đó phải kể đến sự kiện trao trả ba tù binh Mỹ năm 1968. Đây là thời điểm mà cục diện "vừa đánh vừa đàm" đã được mở ra và cuộc đấu tranh trên bàn ngoại giao tại Paris đang diễn ra hết sức căng thẳng. Trong bối cảnh này, Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam đã đề xuất thả ba phi công Mỹ bị bắt trong cuộc ném bom tấn công miền Bắc Việt Nam vào chiều ngày 18-7-1968. Tại Hà Nội, Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam phối hợp với Ủy ban Việt - Mỹ tổ chức trao ba phi công này cho những người đại diện của phong trào nhân dân tiến bộ Mỹ chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Hành động thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của Chính phủ Việt Nam DCCH có nhiều ý nghĩa quan trọng vào giữa lúc Chính phủ Mỹ quyết định tiếp tục tăng cường lực lượng quân đội tham chiến ở Việt Nam. Tại sự kiện này, đại diện đoàn đại biểu của phong trào nhân dân tiến bộ Mỹ đã trân trọng bày tỏ lòng biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính phủ và nhân dân Việt Nam DCCH, thể hiện mong muốn được đưa những người đại diện phong trào phản chiến của Mỹ sang thăm Việt Nam. Bài phát biểu có đoạn viết: "Chúng tôi đã đi thăm các nhà máy, phố phường, đồng ruộng và nông thôn của các bạn. Chúng tôi đã gặp gỡ nhiều tầng lớp nhân dân, chúng tôi đã nói chuyện với đại diện của các tổ chức, cơ quan về những thành tựu của nhân dân miền Bắc và lòng dũng cảm của các bạn trong chiến đấu. Hầu hết những người Việt Nam mà chúng tôi đã gặp đều coi chúng tôi là những người bạn, trong lúc các lực lượng quân sự của Chính phủ Mỹ đang ném bom, bắn phá các thành thị, xóm làng và đồng ruộng của các bạn một cách sai trái và đáng xấu hổ. Nhân dân Mỹ đang nhận thức được rằng nhân dân Việt Nam có quyền quyết định lấy tương lai của mình và nhân dân Việt Nam có khả năng và quyết tâm thực hiện quyền tự quyết của mình…" [12, tr. 4]. "Chúng tôi đã được thấy những chứng cứ không thể chối cãi về những sự tàn phá ghê tởm do những người lái máy bay gây ra", hành động nhân đạo này sẽ góp phần giúp những người tiến bộ Mỹ nhận ra rằng: "những hành động của họ phải đứng trước sự phân xử lớn hơn nữa đó là sự phân xử của lịch sử và toàn thể nhân loại […] Không có gì có thể biểu thị rõ hơn sức mạnh của nhân dân Việt Nam […], trong khi Mỹ vẫn tiếp tục chiến tranh" [12, tr. 4].

Trong công tác vận động quốc tế, chính phủ Việt Nam DCCH luôn nêu rõ lập trường: "Nhân dân Việt Nam không chống nhân dân Mỹ mà chỉ mong muốn chiến tranh sớm chấm dứt để nhân dân hai nước giảm được mất mát, đau thương và sống hòa bình, hữu nghị với nhau" [2, tr. 26]. Những hình ảnh binh lính Mỹ chết trận tại chiến trường cùng với các hoạt động truyền thông nêu rõ quan điểm của phía Việt Nam DCCH đã có sức "công phá" lớn vào nhận thức và lương tâm của hàng triệu người Mỹ, thúc đẩy phong trào phản đối chiến tranh phát triển mạnh ở Mỹ. Người Mỹ cũng dần nhận thức được rằng con em họ đang bị gửi đi tham chiến trong một cuộc chiến tranh phi nghĩa ở nước ngoài và bản thân người lính Mỹ thấy rằng họ đang phải chịu đựng sự hi sinh vô nghĩa. Tháng 2-1967, Luther King đã phát biểu trước công chúng Mỹ: "...chúng ta không thể im lặng khi quốc gia này tham gia vào một trong những cuộc chiến tàn bạo và phi lí nhất trong lịch sử" [13]. Năm 1968 là năm mà con số thương vong của quân Mỹ ở miền Nam tăng "gần gấp hai lần tổng số thương vong của tất cả các năm trước gộp lại: 30.610 so với 16.201" [14, tr. 81]. Những điều này đã khơi nguồn cho phong trào chống chiến tranh Việt Nam diễn ra khắp nơi với nhiều hình thức khác nhau, từ các cuộc hội thảo trong giảng đường đại học đến các cuộc tuần hành trên đường phố, tạo nên sức ép chính trị rất lớn đối với giới cầm quyền Washington. Số người ủng hộ cuộc chiến ở Việt Nam trong nước Mỹ đã giảm dần trong khi số người ủng hộ rút quân Mỹ khỏi chiến trường Việt Nam tăng nhanh trong suốt những năm 1960 và đầu thập niên 1970 theo như nghiên cứu của Lunch và Sperlich (1979) [15, tr. 26]. Có thể nói, hoạt động của Ủy ban Việt - Mỹ cùng các tổ chức chính trị-xã hội, cá nhân

khác trong những năm ác liệt nhất của cuộc chiến tranh đã góp phần củng cố và phát triển phong trào của nhân dân Mỹ đòi chấm dứt chiến tranh, đòi cắt giảm chi phí quân sự cho chiến tranh ở Việt Nam… Đây là một trong những nhân tố quan trọng, buộc chính quyền Mỹ phải điều chỉnh chiến lược quân sự theo hướng xuống thang chiến tranh và chấp nhận các giải pháp mà phía Việt Nam đưa ra trên bàn đàm phán Paris.

2.3. Hoạt động đối ngoại nhân dân hướng tới các nước Tư bản chủ nghĩa ở châu Âu, châu Á

Quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam với các nước TBCN Tây Âu phát triển nhất là với Pháp. Hội hữu nghị Việt - Pháp đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước giai đoạn này thông qua việc kết nối chặt chẽ với các tổ chức quần chúng Pháp như Hội Hữu nghị Pháp – Việt, Hội Liên hiệp phụ nữ Pháp, Hội Y tế Pháp-Việt; tổ chức các đoàn đại biểu đi thăm và làm việc tại nước Pháp, đón tiếp nhiều đoàn đại biểu của hội bạn; tổ chức các cuộc trao đổi, nói chuyện về quan hệ kinh tế, văn hóa, nghệ thuật giữa nhân dân hai nước. Những hoạt động gắn kết giữa hai dân tộc Pháp – Việt được đẩy mạnh vào giai đoạn Tổng thống Pháp Charles de Gaulle đang xúc tiến nhiều hoạt động ngoại giao tìm kiếm một giải pháp hòa bình cho Việt Nam nên càng có điều kiện phát triển mạnh mẽ (xem thêm trong tài liệu [16]). Ngày 17-4-1968, Hội hữu nghị Việt – Pháp đã tham dự cuộc nói chuyện về phong trào trí thức Pháp ủng hộ Việt Nam do Đoàn đại biểu trí thức Việt Nam tổ chức. Trong buổi nói chuyện, các đại biểu của Hội đã soạn thảo bức thư bày tỏ sự biết ơn những nhà khoa học, nhà tư tưởng, nghệ sĩ, văn sĩ, bác sĩ, giáo sư, kỹ sư Pháp, những người bạn quý đã tích cực ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Hội cũng chia sẻ tại sự kiện này một bức thư khác với nội dung kêu gọi trí thức Việt kiều tại Pháp hãy đẩy mạnh hoạt động nhằm cổ vũ và ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Để giúp nhân dân Pháp hiểu hơn về đất nước, con người Việt Nam, vào tháng 4-1972, nhân dịp đón tiếp đoàn đại biểu Hội hữu nghị Pháp - Việt sang thăm, Hội đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể quần chúng khác của Việt Nam DCCH gửi tới hội bạn 130 bức tranh do thiếu nhi Việt Nam từ 8 đến 13 tuổi vẽ tặng. Những bức tranh này được trưng bày triển lãm tại Paris vào tháng 11-1972 đã giúp truyền tải các thông điệp về hoà bình và độc lập cho dân tộc Việt Nam cũng như tình hữu nghị Việt-Pháp. Việc tổ chức cuộc triển lãm đã nhận được sự giúp đỡ của gần 200 nhà giáo dục, nghiên cứu khoa học, bác sĩ, nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ và các nhà lãnh đạo các tổ chức quần chúng Pháp. Ban Tổ chức in lại bức tranh "Chăn trâu" của một thiếu nhi mười tuổi và bán ngay tại Phòng triển lãm. Nhiều bức tranh trưng bày tại hai địa điểm khác nhau ở trung tâm Paris, sau đó được đưa đi trưng bày ở Montreuil, Seine- Saint-Denis và các địa phương khác của nước Pháp. Những bức tranh của thiếu nhi Việt Nam đã góp phần giúp nhân dân Pháp hiểu hơn về đất nước, con người Việt Nam, hiểu hơn về cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam và càng có ý nghĩa hơn khi những bức tranh đó được nhân dân Pháp và nhân dân thế giới biết đến trong thời điểm Hội nghị Paris đang diễn ra hết sức cam go. Bên cạnh đó, năm 1968, Hội còn tổ chức lễ tiếp nhận hàng viện trợ của nhân dân Pháp ủng hộ nhân dân Việt Nam trong phong trào "Con tàu vì Việt Nam" do Đảng Cộng sản Pháp khởi xướng. Chuyến tàu đầu tiên khởi hành từ cảng Marseille mang theo 518 tấn máy móc, thiết bị, xe đạp, thực phẩm và thuốc men… [15]. Ông Phạm Huy Thông, Phó Chủ tịch Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, thay mặt nhân dân Việt Nam tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng Cộng sản và các đoàn thể nhân dân Pháp đã có những sáng kiến quyên góp phong phú ủng hộ Việt Nam, và các thủy thủ Liên Xô trên đã chuyên chở số hàng nói trên đến Việt Nam.

Đối với đồng minh thân cận của Mỹ là nước Anh, ngay từ tháng 12-1964, chính phủ Johnson đã không thể thuyết phục được chính phủ của Thủ tướng Harold Wilson gửi quân đội tham gia cuộc chiến này, một phần cũng vì quân đội Anh không đủ lực lượng và một phần cũng bởi nhiều người trong Công Đảng không đồng tình với cuộc chiến. Mặc dù trước công luận thế

giới, với tư cách là đồng minh thân cận nhất của Mỹ, chính phủ Anh cũng vẫn thể hiện sự ủng hộ ngoại giao đối với các hành động quốc tế của chính quyền Mỹ, nhưng ở hậu trường, chính phủ Anh đã cố gắng giữ vững quan điểm không đồng tình của mình về các phương pháp quân sự của Mỹ ở Việt Nam [18, tr. 18]. Chính phủ Wilson từ chối gửi quân đội Anh tham chiến ở Việt Nam với lập luận rằng người Anh không thể cam kết gửi lực lượng quân đội tham chiến ở Đông Nam Á bởi họ còn đang có quá nhiều nghĩa vụ khác, đặc biệt là những cam kết đối với Malaysia. Ông cũng thừa nhận rằng sự phản đối của người dân Anh đối với cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam có nghĩa rằng bất cứ một cam kết quân sự nào được đưa ra vào lúc này cũng sẽ đưa tới chấm dứt sự cầm quyền của Công đảng trong chính phủ [18, tr. 238-239). Các nhà ngoại giao và nhiều thành viên chính phủ Anh cũng nhận ra và phản đối nhiều khía cạnh phi nhân tính trong các hoạt động quân sự của Mỹ như việc sử dụng bom napal và khí gas (những loại vũ khí bị cấm trong các cuộc chiến tranh). Ngày 28-6- 1966, chính phủ Anh công khai thể hiện sự không đồng tình với cuộc ném bom của Mỹ xuống Hà Nội và Hải Phòng. Thay vào đó, Wilson đã cố gắng hành động như một người hòa giải trong các cuộc đàm phán tìm kiếm giải pháp hoà bình cho cuộc chiến ở Việt Nam. Ngày 16 – 1 – 1968, nước Anh tuyên bố ý định rút tất cả lực lượng quân sự khỏi Viễn Đông (trừ Hong Kong) vào ngày 31-3-1971. Ngày 17-3-1968, khoảng 80.000 người biểu tình tại quảng trường Trafalgar, Anh phản đối chiến tranh tại Việt Nam và việc chính phủ Anh hỗ trợ Mỹ.

Quan hệ với các nước thành viên ASEAN và Đông Bắc Á được phát triển thông qua các hội hữu nghị song phương, các chương trình, kế hoạch bợp tác của một số tổ chức xã hội, viện nghiên cứu... Đối với nhóm nước sáng lập ASEAN, quan hệ với Indonesia nổi bật hơn cả, và các hoạt động đối ngoại nhân dân được tiến hành thông qua Hội hữu nghị Việt Nam - Indonesia. Hội đã góp phần thắt chặt quan hệ hữu nghị với nhân dân Indonesia, một nước lớn trong khu vực Đông Nam Á có tinh thần độc lập tự chủ, có tiếng nói nhất định trong khu vực và quốc tế, là nước Đông Nam Á duy nhất thuộc nhóm 5 nước sáng lập ASEAN có cơ quan đại diện tại Việt Nam DCCH trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ. Hội đã thể hiện quan điểm hợp tác và ủng hộ Indonesia trong nhiều vấn đề quốc tế, tiêu biểu như ủng hộ hành động Indonesia rút khỏi Liên hợp quốc để phản đối Mỹ, Anh đưa đồng minh Malaysia vào Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

Đối với các nước ở khu vực Đông Bắc Á, Việt Nam DCCH đẩy mạnh thiết lập quan hệ với Nhật Bản. Vào tháng 6-1965, Hội hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản được thành lập với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, gắn đoàn kết hữu nghị với hợp tác khoa học - kỹ thuật, giao lưu văn hóa và phát triển kinh tế. Ngày 31-8-1966, tại Hà Nội, Hội hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản, Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam và Việt Nam thông tấn xã đã tổ chức triển lãm "Một số hình ảnh Việt Nam chiến đấu và sản xuất". Hội cũng tham gia tiếp nhận tặng phẩm của nhân dân Nhật Bản và hàng năm tiến hành trao đổi đoàn hữu nghị, tổ chức mít tinh, nói chuyện... về Nhật Bản, về cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình và tiến bộ xã hội của nhân dân Nhật Bản. Ngày 18-7-1968, tại Hà Nội, đoàn đại biểu Ủy ban Nhật Bản ủng hộ nhân dân Việt Nam đã chuyển tới một số tặng phẩm trị giá khoảng 60 triệu yên (tiền Nhật Bản) trong số 100 triệu yên mà nhân dân Nhật Bản đã quyên góp. Nhân dân Nhật Bản đã có những hoạt động phản đối chính phủ ủng hộ chính sách của Mỹ ở Việt Nam, thúc đẩy chính phủ có những điều chỉnh trong quan hệ với VNDCCH. Năm 1971, Nhật Bản đã có những cuộc gặp gỡ không chính thức với đại diện Việt Nam DCCH tại Paris.

3. Kết luận

Trong giai đoạn 1965 - 1973, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nambước vào giai đoạn gian nan và thử thách hơn do sự tham chiến trực tiếp của quân đội Mỹ và đồng minh tại chiến trường miền Nam cũng như việc chính quyền Mỹ mở nhiều kênh "ngoại

giao" tìm kiếm sự hậu thuẫn cho các chiến lược quân sự. Trong bối cảnh đó, với vị trí là một "binh chủng" của mặt trận đối ngoại, đối ngoại nhân dân tiếp tục được quan tâm và triển khai tích cực trong những năm ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Các hoạt động đối ngoại nhân dân đa phương và song phương đã được đẩy mạnh theo một hướng tiến công mới và mạo hiểm là hướng tới nhân dân yêu chuộng hòa bình tại Mỹ và các nước tư bản đồng minh của Mỹ. Sức mạnh tổng hợp từ các tổ chức đến các cá nhân, từ Trung ương đến địa phương, từ nhân dân trong nước đến những người Việt Nam ở nước ngoài đã được huy động thực hiện nhiều hoạt động sáng tạo, linh hoạt và chủ động nhằm tuyên truyền tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến, lên án sự can thiệp của người Mỹ vào Việt Nam, từ đó vận động phong trào phản chiến sôi động ở chính nước Mỹ và phương Tây. Bằng cách này, cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam đã được "quốc tế hoá" với sự tham gia tích cực của nhiều tổ chức, cá nhân các nhà hoạt động vì hoà bình tại chính nước Mỹ và trên thế giới. Cộng hưởng với phong trào hòa bình quốc tế, các hoạt động đấu tranh thể hiện tình hữu nghị với nhân dân Việt Nam, đòi chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình tại Việt Nam đã diễn ra sôi động ở tất cả các châu lục và nhiều nước có chế độ chính trị, xã hội khác nhau, từ nước TBCN đã có quan hệ đến nước TBCN chưa có quan hệ với Việt Nam và đặc biệt là nước Mỹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Dy Niên, 2002. *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2] Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, 2003. *Hoạt động đối ngoại nhân dân Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Harish C. Mehta, 2009. *People's diplomacy: The diplomatic front of North Vietnam durring the war against the United Sctate, 1965-1972*, Luận án tiến sĩ, Đại học McMaster.

[4] Lê Tùng Lâm, 2018. *Chính sách của Mỹ đối với Việt Nam thời kỳ Tổng thống Lyndon Baines Johnson*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5] Lê Văn Tích cb, 2004. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 12. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6] Vũ Dương Ninh, 2015. *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 26. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 27. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 28. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[10] Nguyễn Thị Thanh Thủy, 2010. *Ngoại giao nhân dân trong quan hệ đối ngoại của Mỹ*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[11] Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, 2013. *Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam: Quá trình hình thành và phát triển*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[12] *Báo Nhân dân*, 1968. "Trao ba tên Mỹ lái máy bay được thả cho những người đại diện của phong trào nhân dân tiến bộ Mỹ", số 5211, ngày 19-7-1968.

[13] Bài Diễn văn "The Casualties of the War in Viet Nam" của Mục sư Martin Luther King Jr *đọc tại Beverly Hills, California ngày 25-2-1967. Nguồn:* https://www.theatlantic.com/magazine/archive/2018/02/martin-luther-king-jr-vietnam/552521/ *(Truy cập ngày 12-7-2021).*

[14] Jeff Stein, Marc Leepson, 1993. *Sổ tay sự kiện chiến tranh Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia và Trung tâm báo chí nước ngoài, Bộ Ngoại giao, Hà Nội,

[15] William L. Lunch and Peter W. Sperlich, 1979. American Public Opinion and the War in Vietnam, *The Western Political Quarterly*, Vol 32(1), p. 22-44

[16] Nguyễn Thị Hạnh, 2018. *Nhân dân Pháp đoàn kết với Việt Nam trong đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1975)*. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[17] *Báo Nhân dân*, Tiếp nhận hàng viện trợ của nhân dân Pháp, Số 5117, ngày 15-4-1968.

[18] Sylvia Ellis, 2009. *Historical Dictionary of Anglo-American Relations (Historical Dictionaries of U.S. Diplomacy),* Scarecrow Press.

ABSTRACT

Mobilizing American and Western support and sympathy for the Vietnamese Revolution through people's diplomacy (1965-1973)

Hoang Hai Ha* va Vu Thi Dung

Faculty of History, Hanoi National University of Education

The article investigates people's diplomacy of Democratic Republic of Vietnam (DRV) from 1965 to1973, aiming to gain American and Western support and sympathy for the Vietnamese revolution. The resistance war against the US became more difficult and fiercer when the US government deployed more political and diplomatic activities to support its military campaigns in South Vietnam as well as negotiations at the Paris Conference. In addition, the Sino-Soviet split had been growing more tense, causing many difficulties for Vietnam's anti-imperialist struggle. Therefore, the Labor Party of Vietnam and the Government of the DRV paid great attention to people's diplomacy aiming to demonstrate Vietnam's position on American War, the legitimacy of the anti-*American resistance war*, thereby bringing popular pressure to bear on US government to sign the 1973 Paris Peace Accords and withdraw *US* military troops.

***Keywords**:* people's diplomacy, diplomacy, resistance war against the US, Paris Peace Accords, friendship organizations.